

CPAVIETNAM

Qualified Services
with Global
Understanding and Vision



Local Expertise
International Presence

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CÔNG TY CỔ PHẦN VI TA LY

Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 39

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần VITALY trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần VITALY (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0300398078 ngày 06/01/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 02/3/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Gạch Óp lát Số 1 - Đơn vị thành viên Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 theo Quyết định số 2007/QĐ-BXD ngày 16/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 02/3/2020 là: 80.000.000.000 VND (Bằng chữ: tám mươi tỷ đồng).

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UPCOM với mã cổ phiếu là VTA.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VITALY JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: VITALY J.S.CO.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Đường N1, khu sản xuất tập Trung Bình Chuẩn, khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Công ty trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Cao Trường Thụ

Ông Phạm Việt Thắng

Ông Ngô Xuân Chính

Ông Nguyễn Việt Lợi

Ông Nguyễn Danh Dũng

Chủ tịch HĐQT

Thành viên

Thành viên (từ nhiệm từ ngày 20/12/2021)

Thành viên

Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Bà Hoàng Thị Xuân Thủy

Ông Phi Trần Hoàng Duy

Ông Đào Quang Sơn

Trưởng ban

Thành viên

Thành viên (miễn nhiệm từ ngày 16/4/2021)

Thành viên (bầu bổ sung từ ngày 28/4/2021)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Võ Văn Tùng

Ông Huỳnh Đức Dũng

Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động sản kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Điều hành,



Cao Trường Thụ
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bình Dương, ngày 15 tháng 3 năm 2022

Số: 84/2022/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần VITALY

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần VITALY, được lập ngày 15/3/2022, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Vũ Ngọc Ân**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2022/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2022 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2022

Luu Minh Tới**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3920-2022-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2022/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2022 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2021

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		101.585.013.948	124.147.139.886
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	6.012.259.233	3.581.925.219
1. Tiền	111		6.012.259.233	3.581.925.219
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.292.116.260	37.257.127.170
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	14.274.266.760	37.231.627.670
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		749.090.000	754.740.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	16.999.500	18.999.500
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.4	(748.240.000)	(748.240.000)
IV- Hàng tồn kho	140	5.5	79.583.928.635	82.413.182.852
1. Hàng tồn kho	141		83.567.197.231	85.596.358.637
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.983.268.596)	(3.183.175.785)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		1.696.709.820	894.904.645
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	1.649.908.036	894.904.645
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.11	46.801.784	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		92.837.674.575	105.687.913.646
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		78.161.688.525	90.793.205.219
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	78.161.688.525	90.793.205.219
- Nguyên giá	222		313.924.504.372	311.214.976.900
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(235.762.815.847)	(220.421.771.681)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.8	2.880.050.000	2.880.050.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		2.880.000.000	2.880.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		50.000	50.000
VI Tài sản dài hạn khác	260		11.795.936.050	12.014.658.427
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	3.689.099.509	4.378.011.533
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	5.9	8.106.836.541	7.636.646.894
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		194.422.688.523	229.835.053.532

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, khu
phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận
An, tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31/12/2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		118.113.738.798	146.257.292.968
I- Nợ ngắn hạn	310		112.859.181.118	135.590.735.288
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	53.222.189.494	75.143.492.439
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.847.398.555	1.877.192.349
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	347.423.444	463.918.038
4. Phải trả người lao động	314		4.175.909.356	4.051.018.424
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	6.659.839.293	6.635.778.634
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	9.581.501.662	9.526.068.684
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	37.015.583.904	37.883.931.310
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		9.335.410	9.335.410
II- Nợ dài hạn	330		5.254.557.680	10.666.557.680
1. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.14	5.254.557.680	10.666.557.680
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		76.308.949.725	83.577.760.564
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.15	76.308.949.725	83.577.760.564
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80.000.000.000	80.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.000.000.000	10.000.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		782.200.000	782.200.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(14.473.250.275)	(7.204.439.436)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(7.204.439.436)	(13.541.043.695)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(7.268.810.839)	6.336.604.259
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		194.422.688.523	229.835.053.532

Người lập



Trần Thị Phụng

Kế toán trưởng



Phạm Thị Quế

Bình Dương, ngày 15 tháng 3 năm 2022

Tổng Giám đốc



Võ Văn Tùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	212.151.753.910	280.524.427.221
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	352.286.009	1.538.550.560
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	211.799.467.901	278.985.876.661
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	197.461.840.820	246.437.237.491
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		14.337.627.081	32.548.639.170
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	386.460.139	326.802.282
7. Chi phí tài chính	22	6.4	2.746.175.431	3.272.741.285
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.616.356.008	3.029.478.046
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	11.493.768.756	14.242.764.602
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	7.582.732.316	8.112.995.307
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		(7.098.589.283)	7.246.940.258
11. Thu nhập khác	31	6.7	179.468.478	1.286.344.640
12. Chi phí khác	32	6.7	349.690.034	513.444.595
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.7	(170.221.556)	772.900.045
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		(7.268.810.839)	8.019.840.303
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	-	1.683.236.044
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(7.268.810.839)	6.336.604.259
18. Lỗ/Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	(909)	792

Người lập



Trần Thị Phụng

Kế toán trưởng



Phạm Thị Quế

Bình Dương, ngày 15 tháng 3 năm 2022

Tổng Giám đốc



Võ Văn Tùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(7.268.810.839)	8.019.840.303
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		15.341.044.166	15.235.552.066
- Các khoản dự phòng	03		800.092.811	(4.561.658.085)
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(43.774.072)	179.379.408
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(157.700.060)	(1.045.447.900)
- Chi phí lãi vay	06		2.616.356.008	3.029.478.046
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		11.287.208.014	20.857.143.838
- Tăng/giảm các khoản phải thu	09		22.883.154.457	(20.257.452.941)
- Tăng/giảm hàng tồn kho	10		1.558.971.759	8.974.076.534
- Tăng/giảm các khoản phải trả	11		(21.983.112.392)	16.854.257.739
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12		(66.091.367)	1.817.345.842
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.091.534.460)	(3.483.522.833)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(510.579.920)	(1.672.827.709)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		11.078.016.091	23.089.020.470
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2.509.147.472)	(25.153.917.895)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	794.573.415
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		157.700.060	250.874.485
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.351.447.412)	(24.108.469.995)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		46.605.674.078	39.868.234.286
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(52.886.021.484)	(44.759.030.750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(6.280.347.406)	(4.890.796.464)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		2.446.221.273	(5.910.245.989)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		3.581.925.219	9.494.243.835
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(15.887.259)	(2.072.627)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.1	6.012.259.233	3.581.925.219

Người lập



Trần Thị Phụng

Kế toán trưởng



Phạm Thị Quế

Bình Dương, ngày 15 tháng 3 năm 2022

Tổng Giám đốc



Võ Văn Tùng

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn,
khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn,
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần VITALY được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0300398078 ngày 06/01/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 02/3/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Gạch Ốp lát Số 1 - Đơn vị thành viên Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 theo Quyết định số 2007/QĐ-BXD ngày 16/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 02/3/2020 là : 80.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Tám mươi tỷ đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UPCOM với mã cổ phiếu là VTA.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VITALY JOINT STOCK COMPANY

Tên Công ty viết tắt: VITALY J.S.CO.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2021 là 321 người (tại ngày 01/01/2021 là 335 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lĩnh vực hoạt động gồm:

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, vật tư, nguyên liệu và sản phẩm phục vụ ngành công nghiệp xây dựng (trừ hoạt động bến thủy nội địa);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, cho thuê mặt bằng, văn phòng làm việc, nhà xưởng, kho bãi (thực hiện theo quy hoạch);
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, dây chuyền công nghệ thuộc lĩnh vực xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Tư vấn bất động sản (trừ môi giới bất động sản).
- (Công ty phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện).

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2021 là sản xuất gạch.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn,
khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn,
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1.4 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Dịch bệnh Covid 19 xuất hiện vào cuối năm 2019 đến nay vẫn chưa được khống chế đã ảnh hưởng tiêu cực tới tất cả mọi hoạt động của xã hội. Do ảnh hưởng của đại dịch nên các hoạt động của Công ty trong năm 2021 đã có sự suy giảm so với kế hoạch và năm trước, các đơn hàng giảm dẫn đến doanh thu trong năm giảm (doanh thu trong năm 2021 giảm 68,3 tỷ đồng tương đương giảm 24,37% so với năm 2020), tổng số nhân viên năm 2021 so với năm 2020 giảm 14 người. Ban Điều hành Công ty đang tiếp tục theo dõi, đánh giá rủi ro một cách thận trọng để có các quyết định phù hợp đối với hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian tới.

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có Công ty liên doanh, liên kết như sau:

Tên	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Bao bì và Khoáng sản số 1	Đường N1, khu SXTT Bình Chuẩn, khu phố Bình Phú, P. Bình Chuẩn, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương	Sản xuất bao bì	36%	36%	36%

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành; Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ và Chuẩn mực Kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014; Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương tại ngày 31/12/2021.
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương tại ngày 31/12/2021.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào Công ty liên kết

Đầu tư vào Công ty liên kết: Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Đầu tư vào Công ty liên kết (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi khoản dự phòng tổn thất các khoản đầu tư (nếu có).

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)****b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 40
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Dụng cụ quản lý	03

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước: Được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước của Công ty bao gồm giá trị công cụ lao động xuất dùng và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 03 năm.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Chi phí phải trả của Công ty là chi phí lãi vay phải trả cho ngân hàng và các đơn vị cho Công ty vay vốn.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của hàng hóa, dịch vụ, được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trừ đi số đã trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Ban Điều hành cho rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh toàn bộ là sản xuất, kinh doanh gạch và hoạt động trong các bộ phận theo khu vực địa lý là các sản phẩm gạch của Công ty được tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo khu vực địa lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	292.902.248	79.776.997
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.719.356.985	3.502.148.222
Tổng	6.012.259.233	3.581.925.219

5.2 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Abdul Rahim Kahtan Ltd. Co	3.861.137.323	4.793.272.926
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Sản phẩm Fico	371.439.475	422.689.643
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Đại Vương Thành	-	147.285.345
Tổng Công ty VLXD số 1 - CTCP SUMBER BESKAYA SDN BHD	7.661.931.224	24.142.338.561
Các khoản phải thu khác	2.379.758.738	3.783.133.882
Tổng	14.274.266.760	37.231.627.670
<i>Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>8.033.370.699</i>	<i>24.565.028.204</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.3 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Các đối tượng khác	16.999.500	-	18.999.500	-
Tổng	16.999.500	-	18.999.500	-

Đơn vị tính: VND

5.4 Nợ xấu

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	748.240.000	-	748.240.000	-
Công ty TNHH Xây dựng Thương Mại Dịch vụ Môi Trường Xanh	548.240.000	-	548.240.000	-
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Thương mại Đất	100.000.000	-	100.000.000	-
Công ty TNHH Thương Mại Xây dựng Hưng Việt Hùng	100.000.000	-	100.000.000	-
<i>Trong đó:</i>				
	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	Quá hạn trên 3 năm
Công ty TNHH Xây dựng Thương Mại Dịch vụ Môi Trường Xanh	-	-	-	548.240.000
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Thương mại Đất	-	-	-	100.000.000
Công ty TNHH Thương Mại Xây dựng Hưng Việt Hùng	-	-	-	100.000.000
Tổng	-	-	-	748.240.000

Đơn vị tính: VND



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.5 Hàng tồn kho*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	19.872.035.096	-	18.734.141.027	-
Công cụ, dụng cụ	3.089.038.336	-	2.682.796.370	-
Thành phẩm	60.606.123.799	(3.983.268.596)	64.179.421.240	(3.183.175.785)
Tổng	83.567.197.231	(3.983.268.596)	85.596.358.637	(3.183.175.785)

5.6 Chi phí trả trước

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.649.908.036	894.904.645
Công cụ, dụng cụ xuất dùng cho phân xưởng sản xuất	549.018.637	270.390.107
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.100.889.399	624.514.538
b) Dài hạn	3.689.099.509	4.378.011.533
Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	3.015.129.407	2.918.583.063
Các chi phí trả trước dài hạn khác	673.970.102	1.459.428.470
Tổng	5.339.007.545	5.272.916.178

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.7 Tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2021	79.176.898.011	225.383.510.435	6.590.890.272	63.678.182	311.214.976.900
Tăng trong năm	2.483.527.472	226.000.000	-	-	2.709.527.472
Mua trong năm	-	226.000.000	-	-	226.000.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.483.527.472	-	-	-	2.483.527.472
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2021	81.660.425.483	225.609.510.435	6.590.890.272	63.678.182	313.924.504.372
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2021	43.640.481.384	171.971.805.791	4.784.405.053	25.079.453	220.421.771.681
Tăng trong năm	3.461.616.015	11.318.814.817	539.387.266	21.226.068	15.341.044.166
Khấu hao trong năm	3.461.616.015	11.318.814.817	539.387.266	21.226.068	15.341.044.166
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2021	47.102.097.399	183.290.620.608	5.323.792.319	46.305.521	235.762.815.847
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2021	35.536.416.627	53.411.704.644	1.806.485.219	38.598.729	90.793.205.219
Tại ngày 31/12/2021	34.558.328.084	42.318.889.827	1.267.097.953	17.372.661	78.161.688.525

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 với giá trị là 154.314.099.098 VND (ngày 01/01/2021 là 151.608.769.550 VND)

Giá trị còn lại của tài sản cố định cầm cố, thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo khoản vay tại ngày 31/12/2021 với giá trị là 22.778.998.457 VND (ngày 01/01/2021 là 27.924.997.445 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.8 Đầu tư tài chính dài hạn

Đơn vị tính: VND

Đối tượng đầu tư	Tỷ lệ		31/12/2021			01/01/2021				
	Vốn nắm giữ (%)	Quyền biểu quyết (%)	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết				2.880.000.000		-		2.880.000.000		-
Công ty Cổ phần Bao bì và Khoáng sản số 1	36%	36%	308.160	2.880.000.000		-	308.160	2.880.000.000		-
Đầu tư vào đơn vị khác				50.000		-		50.000		-
Công ty Cổ phần Đá Hóa An			5	50.000		-	5	50.000		-
Tổng				2.880.050.000		-		2.880.050.000		-

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư để thuyết minh trong Báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn.

Thông tin chi tiết về Công ty liên kết, đầu tư vào đơn vị khác của Công ty tại ngày 31/12/2021 như sau:

Đối tượng đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính
Đầu tư vào Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Bao bì và khoáng sản số 1	Đường N1, khu SXTT Bình chuẩn, khu phố Bình Phú, Phường Bình Chuẩn, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương	Sản xuất bao bì
Đầu tư vào đơn vị khác		
Công ty Cổ phần Đá Hóa An	Áp Cầu Hang, Xã Hóa An, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Khai thác và chế biến khoáng sản, sản xuất VLXD, buôn bán vật tư kỹ thuật thiết bị xây dựng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.9 Thiết bị vật tư phụ tùng thay thế

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng dự trữ để dự phòng thay thế, sửa chữa các dây chuyền máy móc, thiết bị.	8.106.836.541	7.636.646.894
Tổng	8.106.836.541	7.636.646.894

5.10 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - Công ty Cổ phần	27.993.460	27.993.460	13.000.000.000	13.000.000.000
Công ty Cổ phần Bao bì và Khoáng sản số 1	8.497.408.052	8.497.408.052	6.006.247.334	6.006.247.334
Công ty Cổ phần Công nghệ He Xa Gon	2.118.248.563	2.118.248.563	315.505.595	315.505.595
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Vinatop	847.900.700	847.900.700	203.766.609	203.766.609
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Sản phẩm Fico	5.001.975.000	5.001.975.000	20.403.075.827	20.403.075.827
Công ty TNHH Than Thịnh Huyền	5.412.206.720	5.412.206.720	4.315.189.920	4.315.189.920
Các nhà cung cấp khác	31.316.456.999	31.316.456.999	30.899.707.154	30.899.707.154
Tổng	53.222.189.494	53.222.189.494	75.143.492.439	75.143.492.439
<i>Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>13.779.762.210</i>	<i>13.779.762.210</i>	<i>44.274.075.405</i>	<i>44.274.075.405</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.11 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2021
Phải nộp	463.918.038	3.993.158.918	4.109.653.512	347.423.444
Thuế GTGT	26.204.517	3.123.069.316	2.812.348.613	336.925.220
Thuế xuất, nhập khẩu	-	21.876.713	21.876.713	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	437.713.521	72.866.399	510.579.920	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	691.748.761	691.748.761	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế khác	-	80.597.729	70.099.505	10.498.224
Phải thu	-	-	46.801.784	46.801.784
Thuế TNDN nộp thừa	-	-	46.801.784	46.801.784

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn,
khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn,
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.12 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Lãi vay phải trả Công ty Mua bán Nợ và Tài sản Tồn đọng của DN	6.500.573.024	6.500.573.024
Lãi vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	159.266.269	135.205.610
Tổng	6.659.839.293	6.635.778.634

5.13 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Bảo hiểm xã hội	110.365.483	358.694.353
Tổng Công ty VLXD số 1 - CTCP (*)	8.861.588.199	8.360.827.310
Bếp ăn công ty	261.180.946	327.179.987
Các khoản phải trả, phải nộp khác	348.367.034	479.367.034
Tổng	9.581.501.662	9.526.068.684
<i>Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>8.861.588.199</i>	<i>8.360.827.310</i>

(*) Trong đó, chủ yếu là khoản chi phí lãi vay phải trả cho Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP theo hợp đồng vay vốn số 01/07/HĐVV-VITALY ngày 25/12/2006 với số tiền là 4.008.831.004 VND và khoản chênh lệch phải trả cổ phần hóa tại thời điểm bàn giao sau khi quyết toán thuế năm 2004 với số tiền là 4.852.757.195 VND.

N:
CÔ
T
KIẾ
PA
0/

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 09 – DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.14 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		Trong năm		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn và nợ dài hạn đến hạn trả	37.015.583.904	37.015.583.904	52.017.674.078	52.886.021.484	37.883.931.310	37.883.931.310
Vay ngắn hạn	11.024.369.464	11.024.369.464	46.605.674.078	47.074.021.484	11.492.716.870	11.492.716.870
Vay ngân hàng	11.024.369.464	11.024.369.464	46.605.674.078	47.074.021.484	11.492.716.870	11.492.716.870
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN CN Bình Dương [1]	11.024.369.464	11.024.369.464	46.605.674.078	47.074.021.484	11.492.716.870	11.492.716.870
Nợ dài hạn đến hạn trả	25.991.214.440	25.991.214.440	5.412.000.000	5.812.000.000	26.391.214.440	26.391.214.440
Nợ dài hạn đến hạn trả các bên liên quan	20.579.214.440	20.579.214.440	-	-	20.579.214.440	20.579.214.440
Tổng công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - CTCP [2]	20.579.214.440	20.579.214.440	-	-	20.579.214.440	20.579.214.440
Nợ dài hạn đến hạn trả các tổ chức và các nhân khác	5.412.000.000	5.412.000.000	5.412.000.000	5.812.000.000	5.812.000.000	5.812.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Dương [3]	5.412.000.000	5.412.000.000	5.412.000.000	5.812.000.000	5.812.000.000	5.812.000.000
b) Vay dài hạn	5.254.557.680	5.254.557.680	-	5.412.000.000	10.666.557.680	10.666.557.680
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Dương [3]	5.254.557.680	5.254.557.680	-	5.412.000.000	10.666.557.680	10.666.557.680
Tổng	42.270.141.584	42.270.141.584	52.017.674.078	58.298.021.484	48.550.488.990	48.550.488.990
<i>Trong đó, Vay là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>20.579.214.440</i>	<i>20.579.214.440</i>			<i>20.579.214.440</i>	<i>20.579.214.440</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.14 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

[1] Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/93269/HĐTD ngày 06/01/2021 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương. Hạn mức cấp tín dụng thường xuyên với số tiền tối đa là 20.000.000.000 VND. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Thời hạn cấp hạn mức từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 06/01/2022. Biện pháp bảo đảm:

+ Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/93269/HĐBĐ ngày 27/10/2014 được ký giữa Công ty CP VITALY và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/93269/HĐBĐ ngày 01/02/2016 được ký giữa Công ty CP VITALY và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương. Tài sản thế chấp là lò than xích và máy mài cạnh.

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/93269/HĐBĐ ngày 30/8/2017 được ký giữa Công ty CP VITALY và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương. Tài sản thế chấp là 5 Máy in kỹ thuật số.

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2020/93269/HĐBĐ ngày 23/3/2020 được ký giữa Công ty CP VITALY và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương. Tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu Volkswagen theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 081541 do Phòng CSGT- Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 22/10/2018.

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2020/93269/HĐBĐ ngày 24/3/2020 được ký giữa Công ty CP VITALY và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương. Tài sản thế chấp bao gồm máy ép gạch hiệu HTL, model YP3609, năm sản xuất 2018; máy móc và thiết bị đồng bộ lò nung gạch năm sản xuất 2018.

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2020/93269/HĐBĐ ngày 19/9/2020 được ký giữa Công ty CP VITALY và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương. Tài sản thế chấp là hệ thống trạm khí hóa than theo Hợp đồng mua bán số 14062019/HĐMB/VTL-VNT ngày 14/6/2019 với Công ty CP Tập đoàn Vina Top.

[2] Hợp đồng vay vốn số 01/07/HĐVV- VITALY ngày 25/12/2006 được ký giữa Công ty CP VITALY và Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - CTCP với thời hạn vay là 5 năm và lãi suất là 0,2%/tháng. Phương thức đảm bảo khoản vay này bằng tín chấp.

[3] Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương với các hợp đồng vay thời hạn 36 tháng và 60 tháng kể từ khi nhận nợ, với lãi suất theo từng lần nhận nợ, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động. Tài sản thế chấp là 5 máy in kỹ thuật số và xe ô tô 7 chỗ và máy ép than.

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 09 – DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.15 Vốn chủ sở hữu**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2020	80.000.000.000	10.000.000.000	782.200.000	(13.541.043.695)	77.241.156.305
Lãi trong năm trước	-	-	-	6.336.604.259	6.336.604.259
Số dư tại 31/12/2020	80.000.000.000	10.000.000.000	782.200.000	(7.204.439.436)	83.577.760.564
Số dư tại 01/01/2021	80.000.000.000	10.000.000.000	782.200.000	(7.204.439.436)	83.577.760.564
Lỗ trong năm nay	-	-	-	(7.268.810.839)	(7.268.810.839)
Số dư tại 31/12/2021	80.000.000.000	10.000.000.000	782.200.000	(14.473.250.275)	76.308.949.725

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

Đối tượng	Tại ngày 31/12/2021			Tại ngày 01/01/2021		
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số cổ phần	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số cổ phần	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - CTCP	30,75	2.460.000	24.600.000.000	30,75	2.460.000	24.600.000.000
Công ty Mua bán nợ và Tài sản tồn đọng của DN	25,00	2.000.000	20.000.000.000	25,00	2.000.000	20.000.000.000
Công ty CP Gạch men Thanh Thanh	21,45	1.715.900	17.159.000.000	21,45	1.715.900	17.159.000.000
Các cổ đông khác	22,80	1.824.100	18.241.000.000	22,80	1.824.100	18.241.000.000
Tổng	100	8.000.000	80.000.000.000	100	8.000.000	80.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn,
khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn,
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.15 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	80.000.000.000	80.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	80.000.000.000	80.000.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.000.000	8.000.000
Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	8.000.000
Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Quỹ đầu tư phát triển	782.200.000	782.200.000
Tổng	782.200.000	782.200.000

5.16 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

	31/12/2021	01/01/2021
USD	167.037,09	87.757,40
Tổng	167.037,09	87.757,40

Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty TNHH Trần Quốc Tiến	2.934.347.458	2.934.347.458
Công ty TNHH Bắc Âu	1.671.343.963	1.671.343.963
Công ty CP SX TMDV Gạch Mỹ	833.015.278	833.015.278
Các đối tượng khác	5.597.178.513	5.597.178.513
Tổng	11.035.885.212	11.035.885.212

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bán thành phẩm	198.237.019.945	255.852.129.129
Doanh thu bán vật tư, hàng hóa	13.914.733.965	24.672.298.092
Tổng	212.151.753.910	280.524.427.221
Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Chiết khấu thương mại	-	626.156.500
- Giảm giá hàng bán	154.198.868	56.049.221
- Hàng bán bị trả lại	198.087.141	856.344.839
Tổng	352.286.009	1.538.550.560
Doanh thu thuần		
Doanh thu thuần bán thành phẩm	197.884.733.936	254.313.578.569
Doanh thu thuần bán vật tư, hàng hóa	13.914.733.965	24.672.298.092
Tổng	211.799.467.901	278.985.876.661

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	183.006.059.177	226.840.217.838
Giá vốn của vật tư, hàng hóa đã bán	13.655.688.832	24.149.185.738
Dự phòng giảm giá của hàng tồn kho	800.092.811	(4.552.166.085)
Tổng	197.461.840.820	246.437.237.491

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi	3.620.060	4.346.485
Cổ tức, lợi nhuận được chia	154.080.000	246.528.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	228.760.079	75.927.797
Tổng	386.460.139	326.802.282

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Đường NI, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn,
khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn,
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền vay	2.616.356.008	3.029.478.046
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	129.819.423	243.263.239
Tổng	2.746.175.431	3.272.741.285

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	4.641.591.719	5.512.746.461
Chi phí xuất khẩu gạch	4.002.319.604	5.302.895.178
Chi phí vật liệu, bao bì	537.226.085	770.550.532
Chi phí bốc xếp, vận chuyển gạch	996.414.019	1.293.176.003
Chi phí dịch vụ mua ngoài	573.533.663	884.549.527
Chi phí bằng tiền khác	742.683.666	478.846.901
Tổng	11.493.768.756	14.242.764.602

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.107.882.974	4.800.157.002
Chi phí đồ dùng văn phòng	97.481.660	120.723.698
Chi phí khấu hao tài sản cố định	439.123.620	434.814.275
Thuế phí và lệ phí	237.432.491	609.710.082
Chi phí trợ cấp thôi việc	232.785.000	206.491.250
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.560.355.355	1.208.727.980
Chi phí bằng tiền khác	907.671.216	732.371.020
Tổng	7.582.732.316	8.112.995.307

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn,
khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn,
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.7 Lợi nhuận khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<i>Thu nhập khác</i>		
Thanh lý tài sản cố định	-	794.573.415
Cho thuê xe	75.000.000	180.000.000
Các khoản khác	104.468.478	311.771.225
Tổng	179.468.478	1.286.344.640
<i>Chi phí khác</i>		
Lãi chậm nộp BHXH	3.140.381	40.073.185
Chi phí khấu hao xe cho thuê	-	97.059.017
Chi phí khác	191.547.777	363.109.086
Phạt chậm nộp thuế	155.001.876	13.203.307
Tổng	349.690.034	513.444.595
Lợi nhuận khác	(170.221.556)	772.900.045

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(7.268.810.839)	8.019.840.303
<i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>707.984.378</i>	<i>642.867.917</i>
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>657.042.450</i>	<i>629.902.394</i>
<i>Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại của tiền, phải thu khách hàng</i>	<i>50.941.928</i>	<i>12.965.523</i>
<i>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>154.080.000</i>	<i>246.528.000</i>
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	<i>154.080.000</i>	<i>246.528.000</i>
Thu nhập chịu thuế	(6.714.906.461)	8.416.180.220
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	-	1.683.236.044
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	1.683.236.044

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn,
khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn,
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.9 Lỗ, lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(7.268.810.839)	6.336.604.259
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(7.268.810.839)	6.336.604.259
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	8.000.000	8.000.000
Lỗ, lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(909)	792

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	131.426.192.912	162.377.197.622
Chi phí nhân công	37.821.466.818	46.963.171.808
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.341.044.166	15.235.552.066
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.796.676.387	39.041.476.176
Chi phí khác bằng tiền	2.347.229.490	2.155.534.177
Tổng	212.732.609.773	265.772.931.849

6.11 Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ

Tiền dùng để mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm 2021 không bao gồm số tiền 200.380.000 VND (năm 2020 là 1.149.801.935 VND), là số tiền dùng để mua thêm tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****a. Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc**

Bên liên quan	Chức danh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Hội đồng Quản trị		156.000.000	156.000.000
Ông Hồ Đình Thuận	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT từ ngày 28/5/2020)	-	15.000.000
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT từ ngày 28/5/2020 và miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT từ ngày 25/12/2020)	-	33.500.000
Ông Cao Trường Thọ	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm Thành viên HĐQT từ ngày 28/5/2020, miễn nhiệm Thành viên HĐQT và Bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT từ ngày 25/12/2020)	36.000.000	17.500.000
Ông Võ Văn Tùng	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 24/12/2020)	-	30.000.000
Ông Ngô Xuân Chính	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 24/12/2020 và từ nhiệm từ ngày 20/12/2021)	30.000.000	-
Ông Phạm Việt Thắng	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 25/12/2020)	30.000.000	-
Ông Nguyễn Việt Lợi	Thành viên	30.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Danh Dũng	Thành viên	30.000.000	30.000.000
Ban Kiểm soát		102.000.000	102.000.000
Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Trưởng ban	30.000.000	30.000.000
Ông Hoàng Văn Vững	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 28/5/2020)	-	10.000.000
Ông Hồ Hữu Tường	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 28/5/2020)	-	10.000.000
Bà Hoàng Thị Xuân Thủy	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 28/5/2020)	24.000.000	14.000.000
Ông Phi Trần Hoàng Duy	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 16/4/2021)	8.000.000	14.000.000
Ông Đào Quang Sơn	Thành viên (Bầu bổ sung từ ngày 28/4/2021)	16.000.000	-
Ông Phạm Minh Tâm	Thư ký	24.000.000	24.000.000
Ban Giám đốc		870.137.959	980.335.667
Ông Võ Văn Tùng	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	509.432.500	576.777.333
Ông Huỳnh Đức Dũng	Phó Tổng Giám đốc	360.705.459	403.558.333
Tổng		1.128.137.959	1.238.335.667

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

b. Giao dịch với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan chủ yếu mà Công ty có giao dịch, số dư trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP	Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Kinh doanh sản phẩm Fico	Cùng hệ thống
Công ty Cổ phần Bao bì và Khoáng sản Số 1	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Gạch Đông Nam Á	Cùng hệ thống
Công ty CP Cơ Khí Xây dựng Tân Định Fico	Cùng hệ thống
Công ty TNHH MTV Cát Cam Ranh Fico	Cùng hệ thống

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**Giao dịch với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giao dịch bán				
Công ty Cổ phần Gạch Đông Nam Á	Cùng hệ thống	Bán hàng	123.638.724	-
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP	Cổ đông lớn	Bán hàng	125.406.652.832	76.026.856.531
Công ty TNHH MTV Kinh doanh sản phẩm Fico	Cùng hệ thống	Bán hàng	-	96.604.746.303
Công ty Cổ phần Bao bì và Khoáng sản Số 1	Công ty liên kết	Bán hàng	551.473.380	696.203.853
Giao dịch mua				
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP	Cổ đông lớn	Mua hàng	58.097.400	17.322.760.661
Công ty TNHH MTV Kinh doanh sản phẩm Fico	Cùng hệ thống	Mua hàng	17.030.122.920	23.377.054.452
Công ty TNHH MTV Cát Cam Ranh Fico	Cùng hệ thống	Mua hàng	158.818.800	259.259.000
Công ty Cổ phần Gạch Đông Nam Á	Cùng hệ thống	Mua hàng	13.602.915.536	23.818.489.059
Công ty CP Cơ khí Tân Định Fico	Cùng hệ thống	Mua hàng	-	124.800.000
Công ty Cổ phần Bao bì và Khoáng sản Số 1	Công ty liên kết	Mua hàng	11.052.310.200	10.596.542.300
Giao dịch khác				
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP	Cổ đông lớn	Lãi vay phải trả	500.760.889	460.974.407
		Điều chỉnh giảm doanh thu	280.856.315	-
		Bồi thường gạch bể	106.865.690	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh sản phẩm Fico	Cùng hệ thống	Cho thuê xe	75.000.000	180.000.000
		Xuất hàng đền bù	-	228.358.803
		Bồi thường gạch bể	6.900.089	-
		Điều chỉnh giảm doanh thu	39.690.972	-
Công ty Cổ phần Bao bì và Khoáng sản Số 1	Công ty liên kết	Cổ tức nhận trong năm	154.080.000	246.528.000
Công ty Cổ phần Gạch Đông Nam Á	Cùng hệ thống	Phí hỗ trợ gạch bể	51.311.032	-
		Xuất điều chỉnh	28.845.893	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**Số dư với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải trả người bán			
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Sản phẩm Fico	Cùng hệ thống	5.001.975.000	20.403.075.827
Công ty Cổ phần Gạch Đông Nam Á	Cùng hệ thống	252.385.698	4.828.911.824
Công ty TNHH MTV Cát Cam Ranh Fico	Cùng hệ thống	-	35.840.420
Công ty Cổ phần Bao bì và Khoáng sản số 1	Công ty đầu tư	8.497.408.052	6.006.247.334
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP	Cổ đông lớn	27.993.460	13.000.000.000
Tổng		13.779.762.210	44.274.075.405
Phải thu khách hàng			
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP	Cổ đông lớn	7.661.931.224	24.142.338.561
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Sản phẩm Fico	Cùng hệ thống	371.439.475	422.689.643
Tổng		8.033.370.699	24.565.028.204
Phải trả khác			
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP	Cổ đông lớn	8.861.588.199	8.360.827.310
Tổng		8.861.588.199	8.360.827.310
Vay ngắn hạn			
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP	Cổ đông lớn	20.579.214.440	20.579.214.440
Tổng		20.579.214.440	20.579.214.440

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, khu
phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận
An, tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.2 Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Toàn bộ là hoạt động sản xuất và kinh doanh gạch.

Khu vực địa lý

Các sản phẩm gạch của Công ty được tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, như sau:

Đơn vị tính: VND

Diễn giải	Hoạt động trong nước	Hoạt động xuất khẩu	Tổng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	178.478.241.882	33.321.226.019	211.799.467.901
Giá vốn hàng bán	(166.396.273.502)	(31.065.567.318)	(197.461.840.820)
Lợi nhuận gộp	12.081.968.380	2.255.658.701	14.337.627.081
Kết quả bộ phận			
Doanh thu hoạt động tài chính	325.660.526	60.799.613	386.460.139
Chi phí tài chính	2.314.135.006	432.040.425	2.746.175.431
Chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng	16.075.301.824	3.001.199.248	19.076.501.072
Thu nhập khác	151.233.706	28.234.772	179.468.478
Chi phí khác	294.675.256	55.014.778	349.690.034
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	(6.125.249.473)	(1.143.561.366)	(7.268.810.839)

Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, như sau:

Đơn vị tính: VND

Diễn giải	Doanh thu tiêu thụ trong nước	Doanh thu xuất khẩu	Tổng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	225.267.798.551	53.718.078.110	278.985.876.661
Giá vốn hàng bán	(198.986.323.734)	(47.450.913.757)	(246.437.237.491)
Lợi nhuận gộp	26.281.474.817	6.267.164.353	32.548.639.170
Kết quả bộ phận			
Doanh thu hoạt động tài chính	263.877.267	62.925.015	326.802.282
Chi phí tài chính	2.642.582.604	630.158.681	3.272.741.285
Chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng	18.051.210.620	4.304.549.289	22.355.759.909
Thu nhập khác	1.038.661.988	247.682.652	1.286.344.640
Chi phí khác	414.582.039	98.862.556	513.444.595
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.359.132.880	324.103.164	1.683.236.044
Lợi nhuận trong năm	5.116.505.928	1.220.098.331	6.336.604.259

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31/12/2021:

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả	Hoạt động trong nước	Hoạt động xuất khẩu	Tổng
Tài sản bộ phận	11.023.819.274	3.999.537.486	15.023.356.760
Tài sản không phân bổ			179.399.331.763
Tổng tài sản	11.023.819.274	3.999.537.486	194.422.688.523
Nợ phải trả bộ phận	52.111.440.914	2.958.147.135	55.069.588.049
Nợ phải trả không phân bổ			63.044.150.749
Tổng nợ phải trả	52.111.440.914	2.958.147.135	118.113.738.798

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31/12/2020:

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả	Hoạt động trong nước	Hoạt động xuất khẩu	Tổng
Tài sản bộ phận	28.527.190.222	9.459.177.448	37.986.367.670
Tài sản không phân bổ			191.848.685.862
Tổng tài sản	28.527.190.222	9.459.177.448	229.835.053.532
Nợ phải trả bộ phận	74.851.570.818	2.169.113.970	77.020.684.788
Nợ phải trả không phân bổ			69.236.608.180
Tổng nợ phải trả	74.851.570.818	2.169.113.970	146.257.292.968

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập



Trần Thị Phụng

Kế toán trưởng



Phạm Thị Quế

Bình Dương, ngày 15 tháng 3 năm 2022
Tổng Giám đốc



Võ Văn Tùng